

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2020

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Bùi Văn Khương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-7-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13-8-2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28-8-2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông DPH; địa chỉ: Số 9A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông D - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà NTTM; địa chỉ: Số 9A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông E - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên F thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02-10-2019, được bổ sung bằng lời khai tại các Bản tự khai, tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông DPH trình bày:

Ông DPH và bà NTTM xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng từ ngày 13-8-1999. Trong thời gian chung sống, ông DPH và bà NTTM phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Vì không hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng, nên ông DPH và bà NTTM đã sống ly thân khoảng từ năm 2012 cho đến nay. Nay thấy rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, nên ông DPH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết được ly hôn với bà NTTM.

Về con chung: Có 03 con chung là G, sinh ngày 18-01-1996, H, sinh ngày 27-10-1999 và I, sinh ngày 13-7-2005. Các con chung G và H đã thành niên, nên ông DPH không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ông DPH đề bà NTTM quyết định về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung I.

Về tài sản chung: Ông DPH và bà NTTM sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 28-8-2020, ông DPH và bà NTTM cùng đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để họ tự hòa giải về việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 26-9-2020, bị đơn vắng mặt, không có lý do. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông E trình bày:

Bà NTTM xác định việc đã xây dựng gia đình với ông DPH như phần trình bày của ông DPH là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống, đã có rất nhiều mâu thuẫn phát sinh giữa bà NTTM và ông DPH. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Bà NTTM và ông DPH đã sống ly thân từ khoảng năm 2012 cho đến nay. Nay ông DPH đề nghị ly hôn với bà NTTM, bà NTTM đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 03 con chung là G, sinh ngày 18-01-1996, H, sinh ngày 27-10-1999 và I, sinh ngày 13-7-2005. Các con chung G và H đã thành niên, nên bà NTTM không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Bà NTTM có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung I, ông DPH phải cấp dưỡng nuôi con chung I số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10-2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng.

Về tài sản chung: Bà NTTM và ông DPH sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông DPH trình bày: Ông DPH chấp nhận ý kiến của bà NTTM về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07-5-2020, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án chia tài sản chung

theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số: 146/TB-TA ngày 25-5-2020 và Thông báo số: 61/TB-TA ngày 09-6-2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng. Đã hết thời hạn quy định tại các thông báo trên, nguyên đơn và bị đơn đều không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thụ lý yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn về việc đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định tại các điều 28, 35, 39, 48, 49, 97, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông DPH và bà NTTM được ly hôn. Về con chung: Có 03 con chung là G, sinh ngày 18-01-1996 (đã thành niên), H, sinh ngày 27-10-1999 (đã thành niên) và I, sinh ngày 13-7-2005. Giao con chung là I cho bà NTTM trực tiếp nuôi dưỡng. Ông DPH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung I số tiền 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008461, ngày 19-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Ông DPH đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông DPH phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà NTTM; địa chỉ tại: Số 9A An Lạc 2, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông DPH thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những người được triệu tập đến phiên tòa: Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất, nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa ngày 13-8-2020. Bị đơn có mặt tại phiên tòa ngày 28-8-2020. Tại phiên tòa ngày 28-8-2020, nguyên đơn và bị đơn cùng đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải về việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 26-9-2020, bị đơn vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, ông DPH và bà NTTM x©y dựng gia ®×nh vớ nhau trªn c¬ sẽ tù nguyÖn vụ ®¬ng ký kÖt h©n tªi Ủy ban nhân dân phường B nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, việc xác minh tại tổ dân phố, xét thấy: Quá trình chung sống giữa ông DPH và bà Minh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên đã sống ly thân với nhau từ khoảng năm 2012 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ông DPH được ly hôn với bà NTTM là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 03 con chung là G, sinh ngày 18-01-1996, H, sinh ngày 27-10-1999 và I, sinh ngày 13-7-2005. Cháu G và cháu H đã thành niên, nên ông DPH và bà NTTM không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đề nghị này phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là I và nguyên đơn chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Xét thấy, cháu Đăng đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng mẹ là bà NTTM, nên việc giao con chung I cho bà NTTM tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và các quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Ông DPH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà NTTM cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông DPH trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà NTTM và ông DPH như trình bày trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

về việc nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung I số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng, cho đến khi con chung I đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, các bên có tranh chấp về việc phân chia tài sản chung, thì có quyền giải quyết bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[9] Về án phí: Ông DPH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008461, ngày 19-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Ông DPH đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông DPH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông DPH và bà NTTM được ly hôn.

2. Về con chung: Có 03 con chung là G, sinh ngày 18-01-1996 (đã thành niên), H, sinh ngày 27-10-1999 (đã thành niên) và I, sinh ngày 13-7-2005. Giao con chung là I cho bà NTTM trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Ông DPH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung I số tiền 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, các bên có tranh chấp về việc phân chia tài sản chung, thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

4. Về án phí: Ông DPH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008461, ngày 19-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Ông DPH đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông DPH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường B,  
C, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Huyền**